

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CÁN SỰ ĐẢNG BỘ NỘI VỤ**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 242-CV/BCSĐ

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022

V/v kết quả xây dựng vị trí việc làm
cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ,
công chức cấp xã

Kính gửi: Ban Cán sự đảng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng hệ thống vị trí việc làm (VTVL) cán bộ, công chức, viên chức được Thường trực Ban Bí thư giao tại Văn bản số 8698-CV/VPTW ngày 18/01/2019 của Văn phòng Trung ương; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24/9/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế; Văn bản số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về việc hoàn thiện hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức và Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về việc xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức (tại Văn bản số 7590-CV/BTCTW ngày 14/3/2019 và Văn bản số 8215-CV/BTCTW ngày 30/5/2019), trên cơ sở kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức tại Văn bản số 1368-CV/BCSĐCP ngày 01/4/2020 của Ban Cán sự đảng Chính phủ và kết quả xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã tại Văn bản số 309-CV/BCSĐ ngày 29/12/2020 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đã phối hợp với các Bộ, ngành rà soát danh mục VTVL, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã. Sau khi tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến của Bộ, ngành, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ có Văn bản số 224-CV/BCSĐ ngày 14/01/2022 báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ về kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức (thuộc khối Chính phủ) và cán bộ, công chức cấp xã. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 605-CV/BCSĐCP ngày 24/01/2022 của Ban Cán sự đảng Chính phủ về việc hoàn thiện VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đã rà soát, hoàn thiện báo cáo kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức (thuộc khối Chính phủ) và cán bộ, công chức cấp xã với những nội dung sau:

I. CƠ SỞ, LÝ DO XÂY DỰNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã được xác định theo các cơ sở và lý do như sau:

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tình hình biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung

trong 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Viên chức năm 2010; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các văn bản hướng dẫn thi hành¹.

c) Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn:

- Văn bản số 8698-CV/VPTW ngày 18/01/2019 của Văn phòng Trung ương về việc xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị.

- Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24/9/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế.

- Các Văn bản của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức, gồm: (1) Văn bản số 7590-CV/BTCTW ngày 14/3/2019 về việc xây dựng hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức; (2) Văn bản số 8215-CV/BTCTW ngày 20/5/2019 về việc xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; (3) Văn bản số 9448-CV/BTCTW ngày 14/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về tổng hợp danh mục, bản mô tả VTVL trong hệ thống chính trị; (4) Văn bản số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về hoàn thiện hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức.

- Các Văn bản của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, gồm: (1) Văn bản số 6852/VPCP-TCCV ngày 01/8/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng VTVL; (2) Văn bản số 11775/VPCP-TCCV ngày 26/12/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng VTVL đối với viên chức và công chức cấp xã.

- Kết quả tổng hợp VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã: (1) Văn bản số 1368-CV/BCSĐCP ngày 01/4/2020 của Ban Cán sự đảng Chính phủ về việc xây dựng VTVL cán bộ, công chức; (2) Văn bản số 309-CV/BCSĐ ngày 29/12/2020 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ về việc xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

d) Các văn bản phê duyệt và báo cáo về VTVL của các Bộ, ngành, địa phương.

2. Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở kết quả tổng kết việc xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức, Hướng dẫn số 04-HD/BTCTW ngày 12/9/2016 của Ban Tổ chức Trung ương về xây dựng VTVL và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan đảng, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và kết quả triển khai thí điểm việc bố trí, sử

¹ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về VTVL và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về VTVL và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019).

dụng, tuyển dụng, đào tạo và đánh giá công chức theo VTVL tại các cơ quan đảng, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cho thấy việc xây dựng VTVL cần bảo đảm tính thống nhất, liên thông từ trung ương đến cấp huyện, làm cơ sở cho việc bố trí, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống. Trên cơ sở kết quả thực tiễn nêu trên, cách tiếp cận xây dựng VTVL bước đầu đã được thể chế hóa tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, làm cơ sở xây dựng VTVL báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao, ngay từ quý I/2019, Bộ Nội vụ đã triển khai các nhiệm vụ sau:

1. Ngày 27/3/2019, Bộ Nội vụ có Văn bản số 1327/BNV-TCBC đề nghị các Bộ, ngành thành lập Tổ (nhóm) biên tập xây dựng hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức.

2. Ngày 09/5/2019, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương tổ chức tập huấn cho các thành viên Tổ (nhóm) biên tập xây dựng hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức của các Bộ, ngành.

3. Đối với vị trí việc làm cán bộ, công chức

Để tổ chức triển khai nhiệm vụ xây dựng VTVL cán bộ, công chức, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 3266/BNV-TCBC ngày 19/7/2019 báo cáo và đề xuất với Thủ tướng Chính phủ phân công nhiệm vụ xây dựng VTVL cán bộ, công chức cho các Bộ, ngành (Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý tại Văn bản số 6852/VPCP-TCCV ngày 01/8/2019 của Văn phòng Chính phủ). Tiếp đó, ngày 05/8/2019, Bộ Nội vụ tổ chức Hội thảo triển khai xác định VTVL cán bộ, công chức, với thành phần tham dự là đại diện lãnh đạo và thành viên Tổ (nhóm) biên tập xây dựng hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức của các Bộ, ngành. Ngày 09/8/2019, Bộ Nội vụ có Văn bản số 3692/BNV-TCBC đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan xây dựng danh mục và bản mô tả VTVL cán bộ, công chức theo phân công của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức của các Bộ, ngành, Bộ Nội vụ và Thường trực Tổ Biên tập xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị đã trực tiếp họp với từng Bộ, ngành (từ ngày 14/10/2019 đến ngày 29/10/2019) để trao đổi, thống nhất về nguyên tắc xây dựng VTVL và danh mục VTVL cán bộ, công chức, qua đó cơ bản đi đến thống nhất về danh mục VTVL cán bộ, công chức của từng ngành, lĩnh vực.

Trên cơ sở kết quả buổi làm việc với Bộ Nội vụ và Thường trực Tổ Biên tập xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị, các Bộ, ngành đã hoàn thiện và Bộ Nội vụ đã tổng hợp danh mục VTVL cán bộ, công chức theo ngành, lĩnh vực trong cơ quan, tổ chức hành chính (thuộc khối Chính phủ quản lý) và Văn phòng Chủ tịch nước; ngày 14/11/2019, Bộ Nội vụ có văn bản gửi

các Bộ, ngành đề nghị góp ý danh mục VTVL cán bộ, công chức và tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo báo cáo Thủ tướng Chính phủ (tại Văn bản số 203/BNV-TCBC ngày 10/01/2020 về kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức và Văn bản số 1056/BNV-TCBC ngày 29/02/2020 về việc hoàn thiện báo cáo kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức) và tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Thành viên Ban Cán sự đảng Chính phủ. Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bí thư Ban Cán sự đảng Chính phủ về việc giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy viên Ban Cán sự đảng Chính phủ thay mặt Ban Cán sự đảng Chính phủ ký văn bản gửi Ban Tổ chức Trung ương đề tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị (tại Văn bản số 1357-CV/BCSDCP ngày 24/3/2020 của Ban Cán sự đảng Chính phủ), Bộ Nội vụ đã hoàn thiện văn bản của Ban Cán sự đảng Chính phủ về tổng hợp kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức gửi Ban Tổ chức Trung ương (Văn bản số 1368-CV/BCSDCP ngày 01/4/2020 của Ban Cán sự đảng Chính phủ về việc xây dựng VTVL cán bộ, công chức).

4. Đối với vị trí việc làm viên chức và cán bộ, công chức cấp xã

Để tổ chức triển khai xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 5467/BNV-TCBC ngày 10/11/2019 và Văn bản số 6107/BNV-TCBC ngày 06/12/2019 báo cáo và đề xuất với Thủ tướng Chính phủ phân công nhiệm vụ xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã cho các Bộ, ngành (Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý tại Văn bản số 11775/VPCP-TCCV ngày 26/12/2019 của Văn phòng Chính phủ). Tiếp đó, ngày 07/01/2020 Bộ Nội vụ đã tổ chức Hội nghị triển khai xác định VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã với thành phần tham dự là đại diện lãnh đạo và thành viên Tổ (nhóm) biên tập xây dựng hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Sau Hội nghị này, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 365/BNV-TCBC ngày 20/01/2020 đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan có liên quan xây dựng danh mục và bản mô tả VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã theo phân công của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở kết quả xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã của các Bộ, ngành, Bộ Nội vụ đã trực tiếp làm việc với từng Bộ, ngành (từ ngày 24/02/2020 đến ngày 06/03/2020) để thống nhất về nguyên tắc xây dựng VTVL và danh mục VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã. Căn cứ kết quả làm việc, các Bộ, ngành đã hoàn thiện và Bộ Nội vụ đã tổng hợp danh mục VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã và Bộ Nội vụ có Văn bản số 1761/BNV-TCBC ngày 06/4/2020 gửi các Bộ, ngành đề nghị góp ý bằng văn bản đối với danh mục VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã do Bộ Nội vụ tổng hợp, đề xuất.

Căn cứ ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đã chỉ đạo tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện danh mục VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ thông qua để gửi Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Ngày 17/11/2020, Ban Cán sự đảng Chính phủ có Văn bản số 1705-CV/BCSĐCP về việc gửi ý kiến thành viên Ban Cán sự đảng Chính phủ về dự thảo danh mục VTVL đối với viên chức và cán bộ, công chức cấp xã; sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến của các thành viên Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đã hoàn thiện dự thảo văn bản của Ban Cán sự đảng Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định (Văn bản số 289-CV/BCSĐ ngày 03/12/2020).

Ngày 17/12/2020, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý với dự thảo báo cáo của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ và giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký văn bản của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ gửi Ban Tổ chức Trung ương (Văn bản số 1733-CV/BCSĐCP của Ban Cán sự đảng Chính phủ). Ngày 29/12/2020, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ có Văn bản số 309-CV/BCSĐ về việc xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã gửi Ban Tổ chức Trung ương.

5. Rà soát, hoàn thiện khung danh mục vị trí việc làm và xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm

Thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 24/9/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về quản lý biên chế và Văn bản số 1581-CV/BTCTW ngày 30/8/2021 của Ban Tổ chức Trung ương về hoàn thiện hệ thống VTVL cán bộ, công chức, viên chức, trên cơ sở kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức (được tổng hợp tại Văn bản số 1368-CV/BCSĐCP ngày 01/4/2020 của Ban Cán sự đảng Chính phủ) và kết quả xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã (được tổng hợp tại Văn bản số 309-CV/BCSĐ ngày 29/12/2020 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ), bảng tổng hợp kết quả xây dựng VTVL khối Chính phủ quản lý (do Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp), trên cơ sở phân công nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã, Bộ Nội vụ đã có Văn bản gửi các Bộ, ngành đề nghị rà soát danh mục VTVL cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

Trên cơ sở kết quả rà soát danh mục VTVL cán bộ, công chức, viên chức² và kết quả xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã của các Bộ, ngành, cơ quan, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện danh mục VTVL cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời xây dựng, tổng hợp bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã và hoàn thiện báo cáo kết quả xây dựng VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

² Có 30/30 cơ quan có văn bản góp ý (gồm 28 Bộ, ngành và Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh).

III. NGUYÊN TẮC THIẾT KẾ VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Về vị trí việc làm cán bộ, công chức

a) Việc xây dựng danh mục VTVL cán bộ, công chức phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; không căn cứ vào biên chế hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xây dựng danh mục VTVL.

- Bảo đảm tính thống nhất, liên thông từ trung ương đến cấp huyện.

- Phù hợp với phân công, phân cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực từ Trung ương đến địa phương.

- Kế thừa các VTVL có ngạch công chức chuyên ngành theo quy định của pháp luật; VTVL lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên ngành; hỗ trợ, phục vụ đặc thù thuộc ngành, lĩnh vực.

- Mỗi VTVL phải gắn với một chức vụ, chức danh, ngạch công chức và nội dung công việc cụ thể³.

b) Trên cơ sở nguyên tắc nêu trên, số lượng VTVL cán bộ, công chức được chia thành 04 nhóm, cụ thể là:

(1) Nhóm lãnh đạo, quản lý: Thiết kế bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc xác định các chức danh lãnh đạo, quản lý tương đương.

(2) Nhóm nghiệp vụ chuyên ngành: Thiết kế bảo đảm phù hợp với các nhóm nhiệm vụ chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

³ Theo quy định tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp: Xây dựng 1 bảng lương chức vụ áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo (bầu cử và bổ nhiệm) trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp xã; xây dựng 1 bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ theo ngạch công chức và chức danh nghề nghiệp viên chức áp dụng chung đối với công chức, viên chức không giữ chức danh lãnh đạo. Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo (bầu cử và bổ nhiệm) trong hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp xã, giữ chức vụ lãnh đạo nào thì hưởng mức lương chức vụ quy định trong bảng lương chức vụ; việc xây dựng cơ cấu ngạch công chức đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo theo phân cấp quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương và tiêu chuẩn ngạch công chức. Cụ thể:

VTVL được xác định là chuyên viên cao cấp hoặc tương đương về ngành, lĩnh vực phải thường xuyên thực hiện được nhiệm vụ: Chủ trì xây dựng, hoàn thiện thể chế, các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội, các đề án, chương trình, dự án có tầm cỡ chiến lược về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, văn hóa, xã hội của Bộ, ngành trong phạm vi toàn quốc.

VTVL được xác định là chuyên viên chính hoặc tương đương về ngành, lĩnh vực phải thường xuyên thực hiện được các nhiệm vụ: Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, chế độ, chính sách; xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ trong phạm vi toàn quốc hoặc cấp tỉnh, cấp huyện; chủ trì nghiên cứu, xây dựng quy định, quy chế quản lý nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực hoặc của địa phương; xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để thể chế hoá các chủ trương, chính sách lớn.

(3) Nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: Thiết kế bảo đảm phù hợp với nhóm nhiệm vụ chung được sử dụng tại các Bộ, ngành, địa phương.

(4) Nhóm hỗ trợ, phục vụ: Thiết kế bảo đảm phù hợp với tính chất, nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính.

2. Về vị trí việc làm viên chức

Trên cơ sở các nguyên tắc xác định VTVL theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP thì việc thiết kế các VTVL viên chức theo các nhóm, bảo đảm mỗi VTVL viên chức phải gắn với một chức vụ, chức danh nghề nghiệp và nội dung công việc cụ thể như sau:

(1) Nhóm lãnh đạo, quản lý: Thiết kế theo vị trí pháp lý của đơn vị sự nghiệp công lập.

(2) Nhóm nghiệp vụ chuyên ngành: Thiết kế phù hợp với tính chất, đặc điểm, yêu cầu quản lý dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực (có kế thừa các VTVL đã có tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành theo quy định của pháp luật).

(3) Nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: Thiết kế bảo đảm áp dụng tương tự như đối với các VTVL chuyên môn nghiệp vụ dùng chung trong các cơ quan, tổ chức hành chính.

(4) Nhóm hỗ trợ, phục vụ: Thiết kế bảo đảm áp dụng tương tự như đối với các VTVL hỗ trợ, phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính (có tính đến các VTVL đặc thù theo ngành, lĩnh vực).

3. Về vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã

VTVL cán bộ, công chức cấp xã được thiết kế phù hợp với các chức danh cán bộ, công chức cấp xã, cụ thể:

(1) Nhóm cán bộ cấp xã: Thiết kế phù hợp với chức danh cán bộ cấp xã quy định tại Luật Cán bộ, công chức (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019); quy định của Đảng, Điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội hiện hành.

(2) Nhóm công chức cấp xã: Thiết kế phù hợp với chức danh công chức cấp xã quy định tại Luật Cán bộ, công chức (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019); Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019); Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Kết quả xây dựng danh mục vị trí việc làm cán bộ, công chức

Tổng số: 866 vị trí⁴, chia ra:

a) Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, trợ lý, thư ký: 148 vị trí (Phụ lục I), trong đó:

- VTVL lãnh đạo, quản lý: 144 vị trí, gồm Bộ, cơ quan ngang Bộ: 70 vị trí⁵; cơ quan thuộc Chính phủ: 10 vị trí; Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia: 08 vị trí; Hội đặc thù: 03 vị trí; cấp tỉnh: 41 vị trí⁶; cấp huyện: 12 vị trí.

- VTVL chuyên gia: 02 vị trí.

- VTVL trợ lý, thư ký: 02 vị trí.

b) Nhóm VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành: 650 vị trí⁷ (Phụ lục II), trong đó: Ở Trung ương sẽ sử dụng đủ 650 vị trí; ở cấp tỉnh sẽ sử dụng 328 vị trí (không có ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương đối với công chức chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành ở cấp tỉnh); ở cấp huyện sẽ sử dụng 138 vị trí (không có ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, ngạch chuyên viên chính và tương đương đối với công chức chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành ở cấp huyện). Cụ thể theo ngành, lĩnh vực như sau:

- Lĩnh vực ngoại giao: 29 vị trí (trong đó có 11 vị trí được sử dụng chung tại các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài).

- Lĩnh vực nội vụ: 24 vị trí.

- Lĩnh vực tư pháp: 32 vị trí.

- Lĩnh vực kế hoạch và đầu tư: 26 vị trí (trong đó có 03 vị trí về quản lý đầu tư được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đầu tư chuyên ngành; 03 vị trí được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý doanh nghiệp chuyên ngành).

⁴ Tăng 49 vị trí so với tổng hợp tại Văn bản số 1368-CV/BCSĐCP ngày 01/4/2020 của Ban Cán sự đảng Chính phủ về việc xây dựng VTVL cán bộ, công chức (trong đó: nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, trợ lý, thư ký: giảm 07 vị trí; nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên ngành: tăng 49 vị trí; nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: tăng 07 vị trí; nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ: 0); tăng 52 VTVL so với tổng hợp của Ban Tổ chức Trung ương (trong đó: nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, trợ lý, thư ký: tăng 16 vị trí; nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên ngành: tăng 34 vị trí; nhóm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: tăng 02 vị trí; nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ: 0).

⁵ Gồm 34 vị trí lãnh đạo, quản lý đặc thù theo ngành, lĩnh vực.

⁶ Gồm 9 vị trí lãnh đạo, quản lý đặc thù theo ngành, lĩnh vực.

⁷ Có 544 VTVL thuộc ngạch công chức hành chính (trong đó 175 VTVL có ngạch chuyên viên cao cấp; 181 VTVL có ngạch chuyên viên chính; 180 VTVL có ngạch chuyên viên; 04 VTVL có ngạch cán sự; 04 VTVL có ngạch nhân viên); 90 VTVL thuộc các ngạch công chức chuyên ngành (trong đó: 19 VTVL có ngạch tương đương chuyên viên cao cấp; 23 VTVL có ngạch tương đương chuyên viên chính; 25 VTVL có ngạch tương đương chuyên viên; 17 VTVL có ngạch tương đương cán sự; 06 VTVL có ngạch tương đương nhân viên); 16 VTVL chưa xác định ngạch.

- Lĩnh vực tài chính: 84 vị trí (trong đó có 03 vị trí về quản lý giá được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý giá chuyên ngành; 03 vị trí về dự trữ nhà nước được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý dự trữ nhà nước chuyên ngành).

- Lĩnh vực công thương: 25 vị trí.

- Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: 66 vị trí.

- Lĩnh vực giao thông vận tải: 22 vị trí.

- Lĩnh vực xây dựng: 27 vị trí (trong đó có 03 vị trí về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động xây dựng chuyên ngành).

- Lĩnh vực tài nguyên và môi trường: 33 vị trí (trong đó có 03 vị trí về môi trường được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý môi trường chuyên ngành; 03 vị trí về khoáng sản được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý khoáng sản chuyên ngành).

- Lĩnh vực thông tin và truyền thông: 46 vị trí (trong đó có 03 vị trí về thông tin đối ngoại được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý thông tin đối ngoại chuyên ngành; 03 vị trí về quản lý công nghệ thông tin được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý công nghệ thông tin chuyên ngành; 03 vị trí về an toàn thông tin được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý an toàn thông tin chuyên ngành).

- Lĩnh vực lao động, người có công và xã hội: 51 vị trí (trong đó có 03 vị trí về an toàn vệ sinh lao động được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý an toàn, vệ sinh lao động chuyên ngành).

- Lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch: 30 vị trí.

- Lĩnh vực khoa học và công nghệ: 31 vị trí (trong đó có 03 vị trí về quản lý khoa học và công nghệ được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý khoa học công nghệ chuyên ngành; 04 vị trí về sở hữu trí tuệ được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ sở hữu trí tuệ chuyên ngành; 03 vị trí về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hoá được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động tiêu chuẩn hoá chuyên ngành; 03 vị trí về quản lý hoạt động đo lường được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động đo lường; 03 vị trí về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy chuyên ngành).

- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 21 vị trí.

- Lĩnh vực y tế: 24 vị trí (trong đó có 03 vị trí về quản lý khám, chữa bệnh được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý y tế chuyên

ngành; 03 vị trí về an toàn thực phẩm được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ an toàn thực phẩm chuyên ngành).

- Lĩnh vực dân tộc: 03 vị trí.
- Lĩnh vực ngân hàng: 25 vị trí.
- Lĩnh vực thanh tra: 24 vị trí (24 vị trí này được sử dụng cho các tổ chức thanh tra nhà nước từ trung ương đến cấp huyện).
- Lĩnh vực văn phòng: 12 vị trí.
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 12 vị trí (trong đó có 09 vị trí về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp được sử dụng chung tại các cơ quan được giao nhiệm vụ đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp).
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia: 03 vị trí.
- Riêng VTVL nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý khoa học và công nghệ của Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được sử dụng chung với 03 VTVL về quản lý khoa học và công nghệ (thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ).

c) Nhóm VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 50 vị trí⁸ (Phụ lục III). Trong đó: Ở Trung ương sẽ sử dụng đủ 50 vị trí; ở cấp tỉnh sẽ sử dụng 42 vị trí (không có ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương đối với công chức chuyên môn nghiệp vụ ở cấp tỉnh); ở cấp huyện sẽ sử dụng 25 vị trí (không có ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, ngạch chuyên viên chính và tương đương đối với công chức chuyên môn nghiệp vụ ở cấp huyện).

Cụ thể theo ngành, lĩnh vực như sau:

- Lĩnh vực hợp tác quốc tế: 03 vị trí.
- Lĩnh vực pháp chế: 06 vị trí.
- Lĩnh vực tổ chức cán bộ, thi đua và khen thưởng: 08 vị trí (riêng 03 VTVL về cải cách hành chính được sử dụng chung với 03 VTVL nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực nội vụ).
- Lĩnh vực văn phòng: 17 vị trí.
- Lĩnh vực kế hoạch, tài chính: 16 vị trí.
- Riêng VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung thuộc lĩnh vực thanh tra được sử dụng chung với 24 VTVL nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực thanh tra.

d) Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ: 18 vị trí⁹ (Phụ lục IV), trong đó: Ở Trung ương sẽ sử dụng đủ 18 vị trí; ở cấp tỉnh sẽ sử dụng 04 vị trí; cấp huyện sẽ sử dụng 04 vị trí.

⁸ Các cơ quan thuộc khối Đảng, Quốc hội có thể sử dụng chung các VTVL thuộc nhóm này.

⁹ Gồm 12 vị trí hỗ trợ, phục vụ đặc thù theo ngành, lĩnh vực.

2. Kết quả xây dựng danh mục vị trí việc làm viên chức

Tổng số: 615 vị trí¹⁰, chia ra:

a) Nhóm VTVL viên chức lãnh đạo, quản lý: 123 vị trí, trong đó:

- Ở cơ quan thuộc Chính phủ: 25 vị trí (Phụ lục V), trong đó:

+ VTVL Hội đồng quản lý: 03 vị trí.

+ VTVL lãnh đạo, quản lý thuộc cơ quan thuộc Chính phủ: 22 vị trí¹¹.

- Ở đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực: 98 vị trí (Phụ lục VI), trong đó:

- VTVL Hội đồng quản lý, Hội đồng trường: 04 vị trí.

- VTVL lãnh đạo, quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập ở Bộ, cơ quan ngang Bộ: 32 vị trí, gồm:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ: 12 vị trí.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục thuộc Bộ: 08 vị trí.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục và tổ chức tương đương cục thuộc Bộ: 08 vị trí.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục và tổ chức tương đương cục thuộc tổng cục thuộc Bộ: 04 vị trí.

- VTVL lãnh đạo, quản lý thuộc đơn vị sự nghiệp công lập ở tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập: 04 vị trí.

- VTVL lãnh đạo, quản lý thuộc đơn vị sự nghiệp công lập ở Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh: 18 vị trí.

- VTVL lãnh đạo, quản lý thuộc đơn vị sự nghiệp công lập ở cấp tỉnh: 28 vị trí, gồm:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 12 vị trí.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 08 vị trí.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 04 vị trí.

¹⁰ Tăng 66 vị trí so với tổng hợp tại Văn bản số 309-CV/BCSĐ ngày 29/12/2020 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ về việc xây dựng VTVL viên chức và cán bộ, công chức cấp xã và tổng hợp của Ban Tổ chức Trung ương (trong đó: nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý: tăng 05 vị trí; nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành: tăng 64 vị trí; nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 0; nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ: giảm 03 vị trí).

¹¹ Trong đó có 08 VTVL lãnh đạo, quản lý đặc thù thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 04 vị trí.

- VTVL lãnh đạo, quản lý thuộc đơn vị sự nghiệp công lập ở cấp huyện: 04 vị trí.

- VTVL lãnh đạo, quản lý đặc thù theo ngành, lĩnh vực: 08 vị trí¹².

b) Nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành: 448 vị trí, trong đó:

- Nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định về mã và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp: 208 vị trí (Phụ lục VII¹³), gồm:

+ Ngành, lĩnh vực nội vụ: 03 vị trí.

+ Ngành, lĩnh vực tư pháp: 02 vị trí (được sử dụng chung trong các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng tư vấn hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý theo ngành, lĩnh vực).

+ Ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: 30 vị trí.

+ Ngành, lĩnh vực xây dựng: 07 vị trí.

+ Ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường: 18 vị trí.

+ Ngành, lĩnh vực thông tin và truyền thông: 42 vị trí (trong đó có 14 vị trí được sử dụng chung trong các đơn vị được giao nhiệm vụ về công nghệ thông tin).

+ Ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội: 15 vị trí.

+ Ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch: 28 vị trí.

+ Ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ: 08 vị trí.

+ Ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 25 vị trí.

+ Ngành, lĩnh vực y tế: 30 vị trí.

- Nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành chưa có quy định về mã và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp: 240 vị trí (Phụ lục VIII¹⁴), gồm:

+ Ngành, lĩnh vực tư pháp: 12 vị trí.

+ Ngành, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn: 70 vị trí.

¹² Trong đó có 06 VTVL thuộc ngành, lĩnh vực y tế; 02 VTVL thuộc ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

¹³ Có 33 VTVL viên chức có chức danh nghề nghiệp hạng I; 63 VTVL viên chức có chức danh nghề nghiệp hạng II; 65 VTVL viên chức có chức danh nghề nghiệp hạng III; 45 VTVL viên chức có chức danh nghề nghiệp hạng IV; 02 VTVL chưa xếp hạng.

¹⁴ Có 52 VTVL có chức danh nghề nghiệp hạng I; 64 VTVL có chức danh nghề nghiệp hạng II; 75 VTVL có chức danh nghề nghiệp hạng III; 29 VTVL có chức danh nghề nghiệp hạng IV; 02 VTVL có chức danh nghề nghiệp hạng V; 18 VTVL chưa xếp hạng chức danh nghề nghiệp.

Trong thời gian các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chưa ban hành Thông tư quy định về mã và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thì đề nghị áp dụng ngạch công chức tương đương.

- + Ngành, lĩnh vực tài chính: 16 vị trí.
- + Ngành, lĩnh vực giao thông vận tải: 59 vị trí.
- + Ngành, lĩnh vực xây dựng: 03 vị trí.
- + Ngành, lĩnh vực tài nguyên và môi trường: 16 vị trí.
- + Ngành, lĩnh vực công thương: 26 vị trí.
- + Ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội: 10 vị trí (trong đó có 03 vị trí được sử dụng tại các cơ quan bảo hiểm xã hội).
- + Ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 05 vị trí.
- + Ngành, lĩnh vực y tế: 05 vị trí.
- + Ngành, lĩnh vực ngân hàng: 02 vị trí.
- + Ngành, lĩnh vực văn hóa: 08 vị trí.
- + Ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ: 08 vị trí.
- c) Nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 34 vị trí (Phụ lục V¹⁵). Cụ thể theo ngành, lĩnh vực như sau:
 - Ngành, lĩnh vực hợp tác quốc tế: 02 vị trí.
 - Ngành, lĩnh vực pháp chế: 02 vị trí.
 - Ngành, lĩnh vực tổ chức cán bộ, thi đua và khen thưởng: 06 vị trí.
 - Ngành, lĩnh vực văn phòng: 11 vị trí (riêng 02 vị trí lưu trữ được sử dụng chung với 02 vị trí lưu trữ thuộc danh mục VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành thuộc ngành, lĩnh vực nội vụ).
 - Ngành, lĩnh vực kế hoạch, tài chính: 13 vị trí.
- d) Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ: 10 vị trí (Phụ lục X¹⁶).

3. Kết quả xây dựng danh mục vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã

Tổng số: 17 vị trí (Phụ lục XI), trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 11 vị trí.
- Công chức cấp xã: 06 vị trí¹⁷.

¹⁵ Gồm 34 VTVL áp dụng ngạch công chức tương đương (áp dụng tương tự như đối với VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính).

¹⁶ Gồm 04 vị trí hỗ trợ, phục vụ đặc thù theo ngành, lĩnh vực.

¹⁷ Căn cứ quy định của Luật Công an nhân dân năm 2018 và thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, Bộ Công an đã triển khai bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Trưởng công an xã. Do vậy, danh mục vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã không còn chức danh Trưởng Công an xã.

4. Kết quả xây dựng, tổng hợp bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã

a) Kết quả xây dựng, tổng hợp bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cán bộ, công chức

Đã xây dựng, tổng hợp 866 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL, trong đó:

- Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý: 148 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL.

- Nhóm VTVL nghiệp vụ chuyên ngành: 650 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL.

- Nhóm VTVL nghiệp vụ nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 50 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL.

- Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ: 18 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL.

b) Kết quả xây dựng, tổng hợp bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL viên chức

- Nhóm VTVL viên chức lãnh đạo, quản lý: Tổng hợp theo đề xuất của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng (theo đặc thù của ngành, lĩnh vực).

- Nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên ngành: 448 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL.

- Nhóm VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 34 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL.

- Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ: 10 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL.

c) Kết quả xây dựng, tổng hợp bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cán bộ, công chức cấp xã

Đã xây dựng, tổng hợp 17 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL, trong đó:

- Cán bộ chuyên trách: 11 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL.

- Công chức cấp xã: 06 bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL.

(có bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã kèm theo).

V. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

1. Trong quá trình xây dựng, rà soát, hoàn thiện danh mục VTVL, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành (có bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành kèm theo), cơ bản đã đạt được sự thống nhất cao của các Bộ, ngành.

2. Nội dung đề xuất của một số Bộ, ngành

a) Về vị trí việc làm cán bộ, công chức

- Bộ Tài chính: Đề nghị bổ sung 64 VTVL, gồm: Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên chính, Chuyên viên về: (1) Quản lý vốn viện trợ của nước ngoài cho Việt Nam; (2) Quản lý vốn viện trợ, vốn cho vay của Việt Nam cho nước ngoài; (3) Quản lý tài chính đối với vốn vay, trả nợ nước ngoài; (4) Huy động vốn và tài chính đối ngoại; (5) Quản lý rủi ro nợ công; (6) Quản lý bảo lãnh Chính phủ và vay thương mại; (7) Kế toán nợ nước ngoài; (8) Thống kê nợ nước ngoài và thống kê nợ công; (9) Quản lý tài chính quốc phòng, an ninh, chi đặc biệt; (10) Quản lý tài chính doanh nghiệp; (11) Quản lý tài chính Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng; (12) Quản lý thị trường tài chính, dịch vụ tài chính; (13) Quản lý quỹ tài chính và định chế tài chính; (14) Quản lý xổ số và trò chơi có thưởng; (15) Tài chính hành chính sự nghiệp; (16) Thẩm tra, thẩm định về quy hoạch, dự án đầu tư; (17) Quản lý nguồn vốn đầu tư công; (18) Quản lý quyết toán tài chính dự án đầu tư công; Kiểm tra viên cao cấp, Kiểm tra viên chính, Kiểm tra viên, Kiểm tra viên trung cấp, nhân viên về: (1) Quản lý thuế hải quan; (2) Kiểm soát hải quan.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

+ Đề nghị bổ sung 17 VTVL, gồm: Thuyền viên kiểm ngư, Thuyền viên kiểm ngư trung cấp về thông tin liên lạc; Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên chính, Chuyên viên về: (1) Quản lý thú y cộng đồng; (2) Quản lý thuốc thú y; (3) Quản lý thuốc bảo vệ thực vật; (4) Kiểm dịch thực vật; (5) Kiểm dịch động vật.

+ Đề nghị chia nhóm VTVL Chế biến, bảo quản nông sản thành: (1) Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản và (2) Phát triển thị trường nông sản; chia nhóm VTVL thành: (1) Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn; (2) Quản lý xây dựng nông thôn mới; (3) Quản lý chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Bộ Công Thương: Đề nghị bổ sung 12 VTVL, gồm: Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên về: (1) Quản lý xuất nhập khẩu; (2) Xúc tiến thương mại; (3) Công tác phòng vệ thương mại; (4) Quản lý thương mại điện tử và phát triển kinh tế số.

- Bộ Thông tin và Truyền thông: Đề nghị bổ sung 05 VTVL, gồm: Chuyên viên kiểm soát bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1); Chuyên viên kiểm soát viễn thông phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; Nhân viên khai thác mạng viễn thông phục vụ cơ quan Đảng và Nhà nước; Nhân viên vận hành, sửa chữa mạng viễn thông phục vụ cơ quan Đảng và Nhà nước; Nhân viên trực trạm vệ tinh.

- Bộ Giao thông vận tải:

+ Đề nghị bổ sung 02 VTVL, gồm: (1) Chánh Văn phòng Văn phòng Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia/ Văn phòng Ban An toàn Giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; (2) Phó Chánh Văn phòng Văn phòng Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia/ Ban An toàn giao thông tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Đề nghị bổ sung 12 VTVL, gồm: Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên chính, Chuyên viên về: (2) Quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông; (2) Khoa học công nghệ giao thông vận tải; (3) Môi trường giao thông vận tải; (4) Quản lý doanh nghiệp giao thông vận tải.

b) Về vị trí việc làm viên chức

- Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Đề nghị xác định danh mục VTVL nghiệp vụ chuyên ngành đặc thù giáo dục và đào tạo gồm: Khối Đại học, Cao đẳng sư phạm: (1) Quản lý hoạt động đào tạo (Hạng III); (2) Quản lý chất lượng đào tạo (Hạng III); (3) Quản lý học sinh, sinh viên, công tác chính trị tư tưởng (hạng III); (4) Giảng viên thực hành (hạng III); Khối Phổ thông, mầm non: (1) Nhân viên thư viện, thiết bị; (2) Nhân viên công nghệ thông tin; (3) Nhân viên giáo vụ; (4) Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; (5) Tư vấn học sinh hạng III. Những VTVL này chưa có tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, đề nghị căn cứ bản mô tả công việc của VTVL để xem xét cho phép xếp ngạch viên chức hành chính và không yêu cầu xây dựng tiêu chuẩn chức danh riêng.

+ Đề nghị hướng dẫn các VTVL: Y tế trường học; Giáo dục quốc tế trong lĩnh vực giáo dục thuộc Thông tư của Bộ, ngành nào chủ trì hoặc cho phép Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung vào danh mục VTVL của Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Bộ Tài chính: Đề nghị bổ sung 02 VTVL vào danh mục VTVL viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung, gồm: (1) Chuyên viên cao cấp tài chính; (2) Kế toán viên cao cấp.

3. Ý kiến của Bộ Nội vụ

Để bảo đảm phù hợp với hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và thống nhất với nguyên tắc xây dựng VTVL đã báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đề nghị chỉ xác định VTVL theo hướng khái quát, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyển dụng, sử dụng, bố trí và luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập. Các VTVL theo danh mục do Bộ Nội vụ tổng hợp đã bảo đảm bao quát các chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực từ trung ương đến địa phương và chức năng, nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực. Theo đó, việc chi tiết hóa các VTVL theo đề nghị của các Bộ, ngành là không cần thiết.

Sau khi khung danh mục VTVL cán bộ, công chức, viên chức (thuộc khối Chính phủ quản lý) và cán bộ, công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm ban hành hướng dẫn về VTVL (gồm danh mục VTVL, bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL) theo phân công của Chính phủ, bảo đảm phù hợp với chức năng, phạm vi, đối tượng quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; trên cơ sở đó, các Bộ, ngành, địa phương sẽ quyết định VTVL trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp của Chính phủ.

VI. CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN BAN CÁN SỰ ĐẢNG CHÍNH PHỦ

Từ các vấn đề nêu trên, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ xin ý kiến Ban Cán sự đảng Chính phủ về các nội dung sau:

1. Nguyên tắc thiết kế VTVL cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã¹⁸.

2. Khung danh mục VTVL (bao gồm: tên, bản mô tả và khung năng lực) cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

3. Trên cơ sở khung danh mục VTVL được thông qua, Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho các Bộ, ngành, địa phương tập trung tổ chức thực hiện. Các Bộ, ngành ban hành hướng dẫn về VTVL theo phân công của Chính phủ trước tháng 7/2022 để làm cơ sở cho các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ báo cáo Ban Cán sự đảng Chính phủ xem xét, quyết định./ *mlr*

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo),
- Văn phòng Chính phủ (để p/hợp),
- Ban Tổ chức Trung ương (để b/cáo),
- Các đ/c Ủy viên BCSD Bộ Nội vụ,
- Các Vụ thuộc Bộ: Công chức - Viên chức,
- Tiền lương, Chính quyền địa phương,
- Lưu: VPBCSD, TCBC.

**T/M BAN CÁN SỰ ĐẢNG
BÍ THƯ**



Phạm Thị Thanh Trà

¹⁸ Nguyên tắc thiết kế VTVL đã được Ban Cán sự đảng Chính phủ thống nhất tại Văn bản số 1368-CV/BCSDCP ngày 01/4/2020 của Ban Cán sự đảng Chính phủ và Văn bản số 309-CV/BCSD ngày 29/12/2020 của Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ.